

MÔN ĐỊA LÍ 8

Chủ đề DÂN CƯ, KINH TẾ CHÂU Á

NỘI DUNG:

- ❖ BÀI 5. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á (MỤC 3 HS TỰ HỌC)
- ❖ BÀI 6. THỰC HÀNH. ĐỌC PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC THÀNH PHỐ LỚN Ở CHÂU Á (BÀI TẬP 2 HS TỰ LÀM)
- ❖ BÀI 7. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU Á
- ❖ BÀI 8. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á

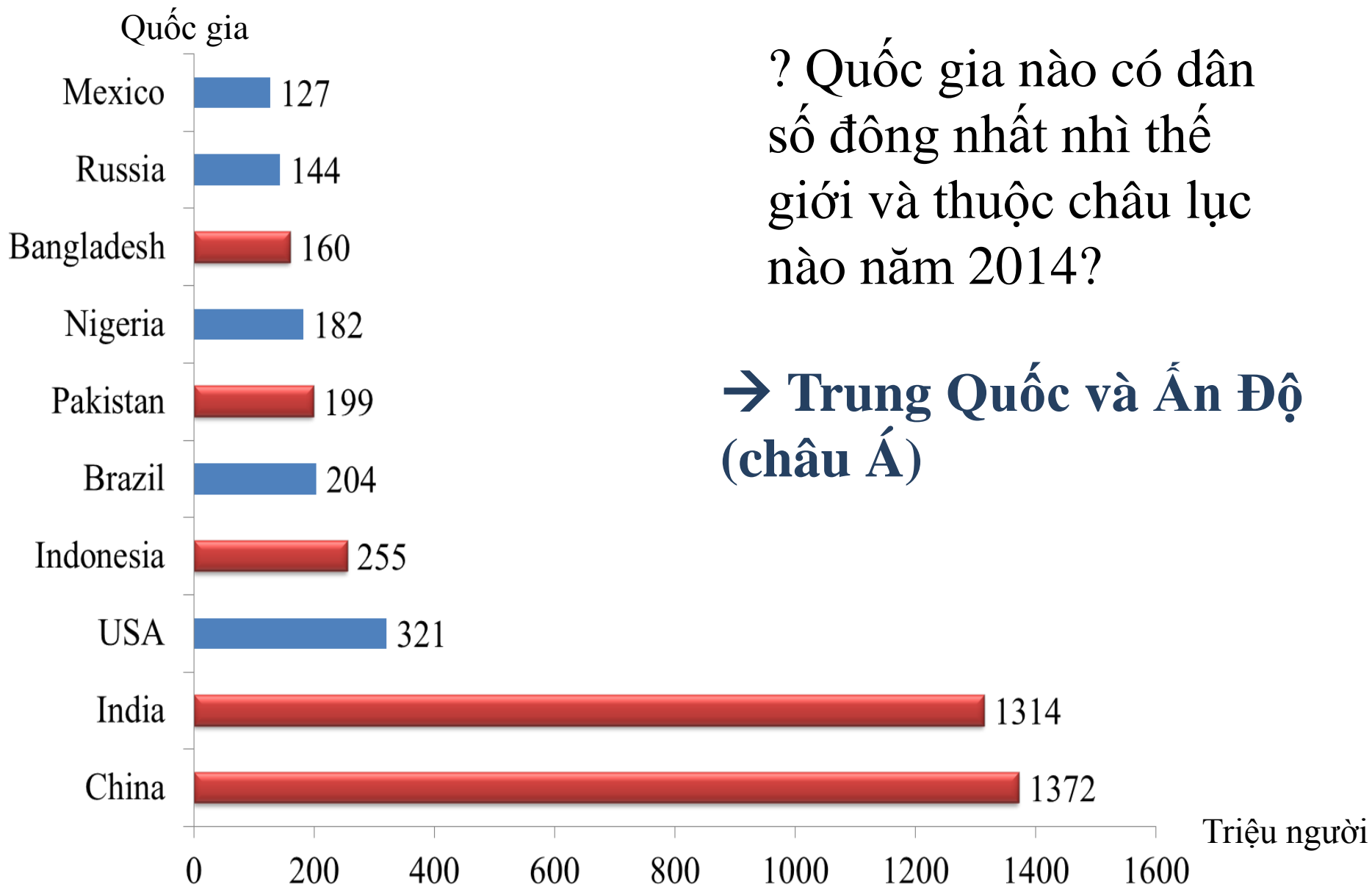
BÀI 5. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

1. Một châu lục đông dân nhất thế giới

triệu người



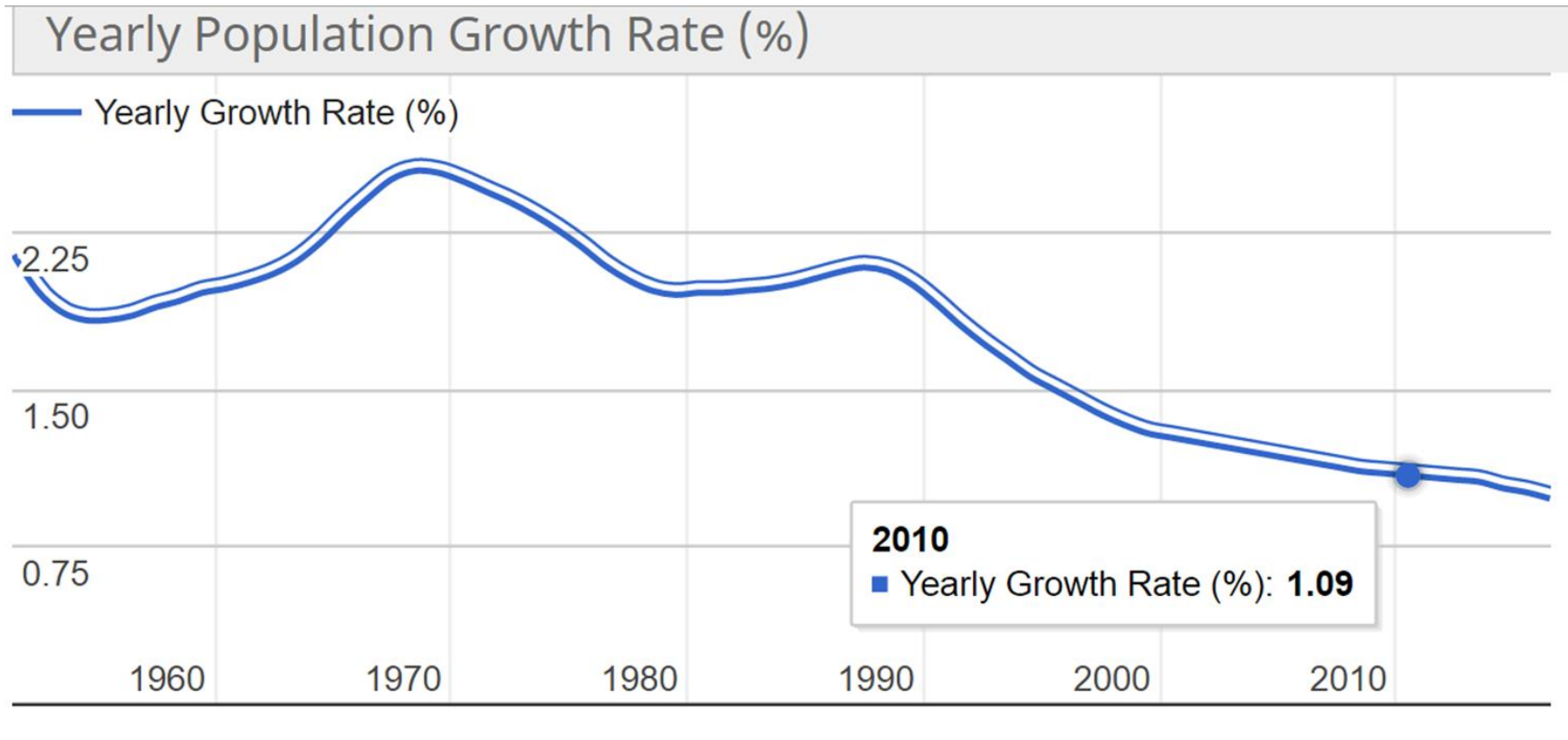
Biểu đồ thể hiện dân số của các châu lục trên thế giới năm 2015



? Quốc gia nào có dân số đông nhất nhì thế giới và thuộc châu lục nào năm 2014?

→ **Trung Quốc và Ấn Độ (châu Á)**

quốc gia có dân số đông nhất thế giới năm 2014



Nhận xét tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở các nước châu Á?

~~✎~~ Mặc dù tỉ lệ gia tăng dân số đã giảm, châu Á vẫn có số dân đông nhất so với các châu lục khác

2. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc



? Quan sát H5.1, em hãy cho biết dân cư châu Á thuộc những chủng tộc nào? Mỗi chủng tộc sống chủ yếu ở những khu vực nào?

Hình 5.1. Lược đồ phân bố các chủng tộc ở châu Á

2. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc

✎ Dân cư châu Á chủ yếu thuộc các chủng tộc: Môn-gô-lô-it, Ô-rô-pê-ô-it và một số ít thuộc chủng tộc Ô-xtra-lô-it.

✎ Các chủng tộc tuy khác nhau về hình thái nhưng đều có quyền và khả năng như nhau trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

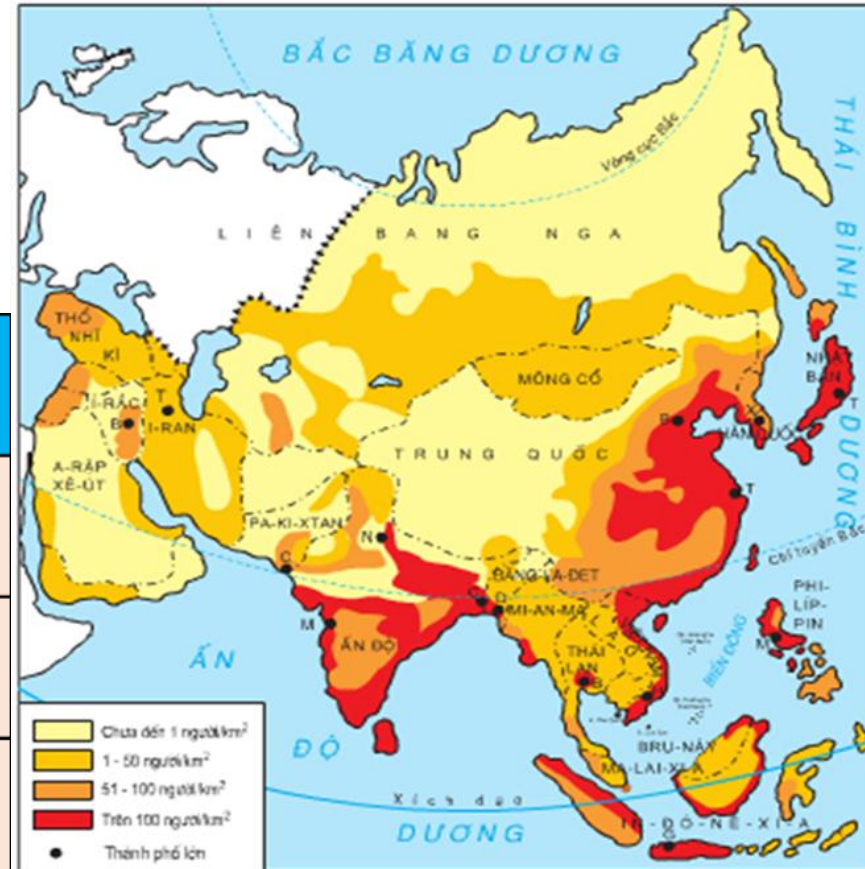
3. Nơi ra đời của các tôn giáo lớn (hs tự học)

Bài 6. THỰC HÀNH. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ CHÂU Á

BÀI TẬP 1

Đọc hình 6.1, nhận biết khu vực có mật độ dân số từ thấp đến cao và điền vào bảng theo mẫu. Kết hợp với lược đồ tự nhiên châu Á và kiến thức đã học, giải thích?

STT	Mật độ dân số trung bình	Nơi phân bố	Giải thích
1	Dưới 1 người/km ²		
2	1 – 50 người/km ²		
3	51 – 100 người/km ²		
4	Trên 100 người/km ²		



Hình 6.1. Lược đồ mật độ dân số và những thành phố lớn của Châu Á

STT	Mật độ dân số trung bình	Nơi phân bố	Giải thích
1	Dưới 1 người/km ²	Bắc LB. Nga, Tây Trung Quốc, A-rập Xê-út, I-rắc, I-ran, Ô-man, Áp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan, một số nước Trung Á...	Khí hậu khắc nghiệt, lạnh giá khô hạn; địa hình núi cao, hi trở, hoang mạc, đầm lầy; sông ngòi kém phát triển.
2	1 – 50 người/km ²	Nam LB. Nga, Mông Cổ, Băng-la-đét, một số nước vùng Đông Nam Á (Mi-an-ma, Thái Lan, Cam-pu-chia, Ma-lay-xi-a, Đông Ti-mo...), Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ, I-ran, Y-ê-men,..	Khí hậu ôn đới lục địa, nhiệt độ khô; nhiều đồi núi, cao nguyên; mạng lưới sông ngòi thưa thớt.
3	51 – 100 người/km ²	Ven Địa Trung Hải, cao nguyên Đê-can (Ấn Độ), một số khu vực của I-đô-nê-xi-a, vùng giáp đồng Bằng duyên hải phía đông Trung Quốc ...	Khí hậu ôn đới, có mưa đồi thấp; lưu vực các sông lớn.
4	Trên 100 người/km ²	Phần lớn lãnh thổ Nhật Bản, các đồng bằng ven biển phía đông Trung Quốc, ven biển Việt Nam, đồng bằng sông Hằng và vùng ven biển Ấn Độ, Xri-	Khí hậu ôn đới hải dương, mưa nhiều; đồng bằng hạ lưu các sông lớn và đồng bằng ven biển, đất đai màu mỡ; mạng lưới sông ngòi dày đặc.

BÀI 7: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU Á

**I. Vài nét về lịch sử phát triển của các nước châu Á.
(đọc và tham khảo SGK)**

II. Đặc điểm phát triển kinh tế – xã hội của các nước và vùng lãnh thổ châu Á hiện nay.

Sau CTTG thứ II

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**



- Nhật Bản là nước bại trận, bị chiến tranh tàn phá nặng nề
- Bị quân đội Mỹ chiếm đóng



**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**

Sau CTTG thứ II

Các nước giành được độc lập

Kinh tế kiệt quệ

Đời sống nhân dân khổ cực

Thiếu công cụ và phương
tiện sản xuất



Sau CTTG thứ II

Cuối thế kỉ XX

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**



**Nền kinh tế các nước
vùng lãnh thổ đã có
nhiều chuyển biến**

Quốc gia	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
Nhật Bản	33400,0	Cao
Cô-oét	19040,0	Cao
Hàn Quốc	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	3680,0	TB trên
Trung Quốc	911,0	TB dưới
Xi-ri	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	449,0	Thấp
Lào	317,0	Thấp
Việt Nam	415,0	Thấp

Nước có bình quân GDP đầu người cao nhất so với nước thấp nhất chênh lệch khoảng bao nhiêu lần?

Việt Nam có bình quân GDP đầu người so với nước cao nhất chênh nhau bao nhiêu lần?

Tỷ trọng giá trị nông nghiệp trong cơ cấu GDP của các nước thu nhập cao khác với nước có thu nhập thấp ở chỗ nào?

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**

Sau CTTG thứ II

Cuối thế kỉ XX

Thu nhập GDP

Cao

TB Trên

TB Dưới

Thấp

**KHÔNG
ĐỒNG
ĐỀU**



- CHÚ GIẢI**
- Thu nhập thấp
 - Thu nhập trung bình dưới
 - Thu nhập trung bình trên
 - Thu nhập cao

- CHỈ SỐ** Tên quốc gia, lãnh thổ
- 1 Phân lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu
 - 2 Phân lãnh thổ Pa-le-x-tin
 - +++ Ranh giới châu Á - châu Âu
- Riêng ĐÔNG TI-MO chưa xếp loại*

NHÓM NƯỚC PHÁT TRIỂN CAO
NƯỚC NHẬT BẢN

NHÓM NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI
NƯỚC XINGAPO, HÀN QUỐC,
ĐÀI LOAN

NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN
CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO

Trung Quốc, Ấn độ, Thái Lan

NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP LÀ CHỦ YẾU

Việt Nam, Lào, Campuchia...

NHÓM NƯỚC GIÀU MẠNH NHƯNG
TRÌNH ĐỘ KT – XH CHƯA PHÁT TRIỂN CAO

A-rập-xê-út, Brunây, Cô-oét...

?



NHÓM NƯỚC PHÁT TRIỂN CAO

NƯỚC NHẬT BẢN

- **ĐẶC ĐIỂM:**

* **Nền kinh tế xã hội phát triển toàn diện**

Thành phố Tokyo bị tàn phá sau chiến tranh 1945



**Thành phố Tokyo
ngày nay**



Trong lĩnh vực Khoa học-kĩ thuật .



THÀNH TỰU KINH TẾ NHẬT BẢN



**CẦU SÊ-TÔ Ô-HA-SI NỐI LIÊN
CÁC ĐẢO CHÍNH HÔN-XIU VÀ XI-CÔ-CU'**



NGƯỜI MÁY ASIMO CỦA NHẬT BẢN



Tàu chạy trên đệm từ tốc độ 400 km/h



Ô tô chạy bằng năng lượng mặt trời

TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI



Hệ thống đường sắt trên cao

TÀU CAO TỐC Ở NHẬT





Cầu Tokyo Bay Aqua-Line là sự kết hợp giữa cầu và đường hầm trên vịnh Tokyo. Tokyo Bay Aqua-Line nối thành phố Kawasaki với thành phố Kisarazu. Cây cầu dài 14km, bao gồm 4,4km đường cầu và 9,6km đường hầm trong vịnh Tokyo. Trên cầu có một đảo nhân tạo là Umihotaru.



Trồng trọt theo phương pháp sinh học nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng đều do máy tính kiểm soát, lai tạo nhiều giống mới

Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế lớn của thế giới



NHÓM NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI **NƯỚC XINGAPO, HÀN QUỐC,** **ĐÀI LOAN**

- ĐẶC ĐIỂM:

*** Có mức độ công nghiệp hóa
cao, nhanh**

Xin-ga-po



Hồng Kông



Hàn Quốc



Đài Loan



NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO

Trung Quốc, Ấn độ, Thái Lan

- ĐẶC ĐIỂM:

- * Có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao**
- * Công nghiệp hóa nhanh, nông nghiệp có vai trò quan trọng**



NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP LÀ CHỦ YẾU

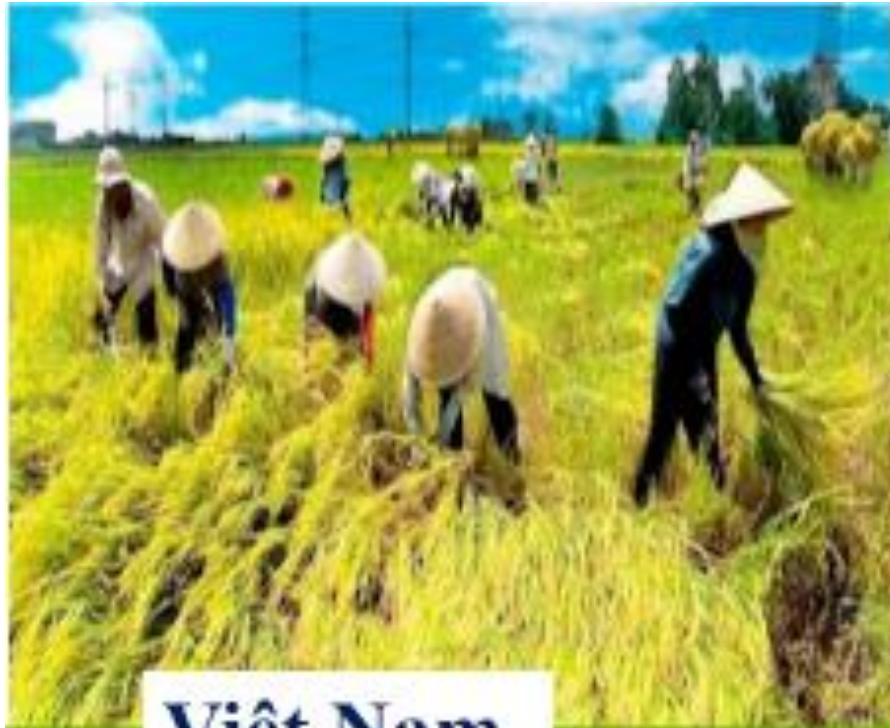
Việt Nam, Lào, Campuchia...

- ĐẶC ĐIỂM:

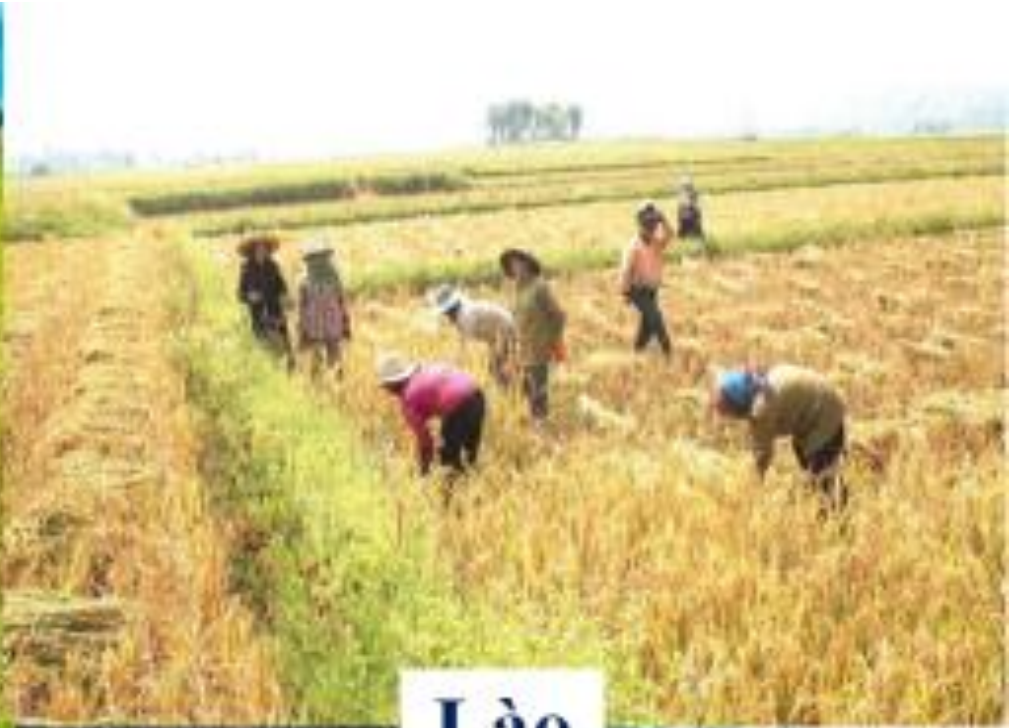
*** Nông nghiệp phát triển chủ yếu**



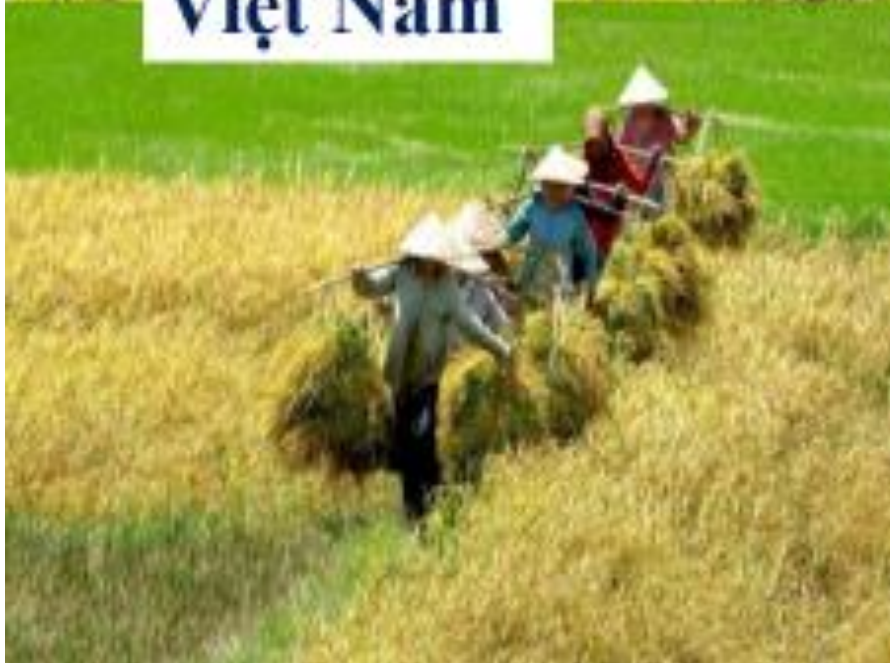
Nước đang phát triển- Nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo



Việt Nam



Lào



NHÓM NƯỚC GIÀU MẠNH NHƯNG TRÌNH ĐỘ KT - XH CHƯA PHÁT TRIỂN CAO

A-rập-xê-út, Brunây, Cô-oét...

- ĐẶC ĐIỂM:

*** Khai thác dầu khí để xuất khẩu**

Nước giàu nhưng trình độ kinh tế xã hội chưa phát triển cao



Nhóm nước	Đặc điểm phát triển kinh tế	Tên nước và vùng lãnh thổ
<p>Nhóm Phát triển cao</p>	<p>Nền KT – XH phát triển toàn diện</p>	<p>Nhật Bản</p>
<p>Nhóm Công nghiệp mới</p>	<p>Mức độ CN hóa khá cao và nhanh</p>	<p>Xingapo, Hàn Quốc, Đài Loan</p>
<p>Nhóm Đang phát triển</p>	<p>Tốc độ CNH nhanh, nông nghiệp có vai trò quan trọng, dịch vụ phát triển, tốc độ tăng trưởng KT khá cao.</p>	<p>Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan</p>
	<p>- Nền KT chủ yếu dựa vào nông nghiệp</p>	<p>Mianma, Băngladet, Nêpal</p>
<p>Nhóm Giàu nhưng trình độ phát triển KT-XH chưa cao</p>	<p>Nguồn dầu khí phong phú được nhiều nước đầu tư, khai thác, chế biến xuất khẩu.</p>	<p>Côoet, Brunây, Ả-rập xê - ut</p>



Nhận xét tỉ lệ của các nước có thu nhập thấp ở Châu Á?





Sau CTTG thứ II

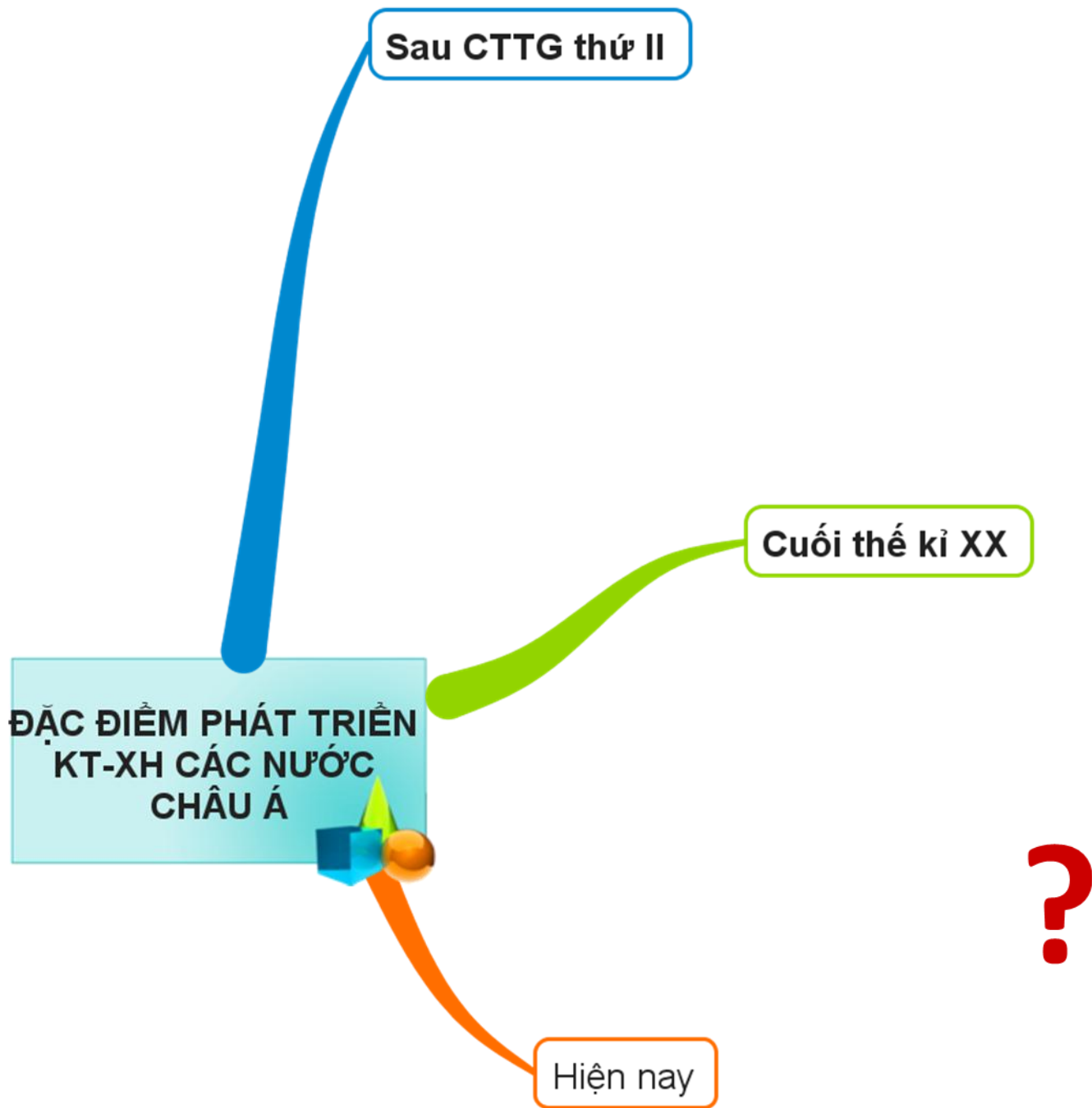
Cuối thế kỉ XX

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**

Hiện nay

Nước thu nhập thấp, đời sống
đói nghèo chiếm tỉ lệ cao

Phân bố: Đông Nam Á, Nam Á



ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KT-XH CÁC NƯỚC CHÂU Á

Sau CTTG thứ II

Các nước giành được độc lập

Kinh tế kiệt quệ

Đời sống nhân dân khổ cực

Thiếu công cụ và phương tiện sản xuất

Cuối thế kỉ XX

Thu nhập GDP

Cao

TB Trên

TB Dưới

Thấp

Trình độ phát triển kinh tế

Nhóm nước phát triển cao

Nhóm nước Công nghiệp mới

Nhóm nước đang phát triển

Nhóm nước giàu mạnh nhưng trình độ phát triển kt-xh chưa cao

Hiện nay

Nước thu nhập thấp, đời sống đói nghèo chiếm tỉ lệ cao

Phân bố: Đông Nam Á, Nam Á

Bài 8. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á

I. NÔNG NGHIỆP

Dựa vào hình 8.1 em hãy cho biết: Các nước thuộc khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng, vật nuôi là chủ yếu?



Hình 8.1. Lược đồ phân bố các cây trồng, vật nuôi ở châu Á

Dựa vào hình 8.1 em hãy cho biết: Khu vực Tây Nam Á và các khu vực nội địa có những loại cây trồng, vật nuôi nào phổ biến nhất?



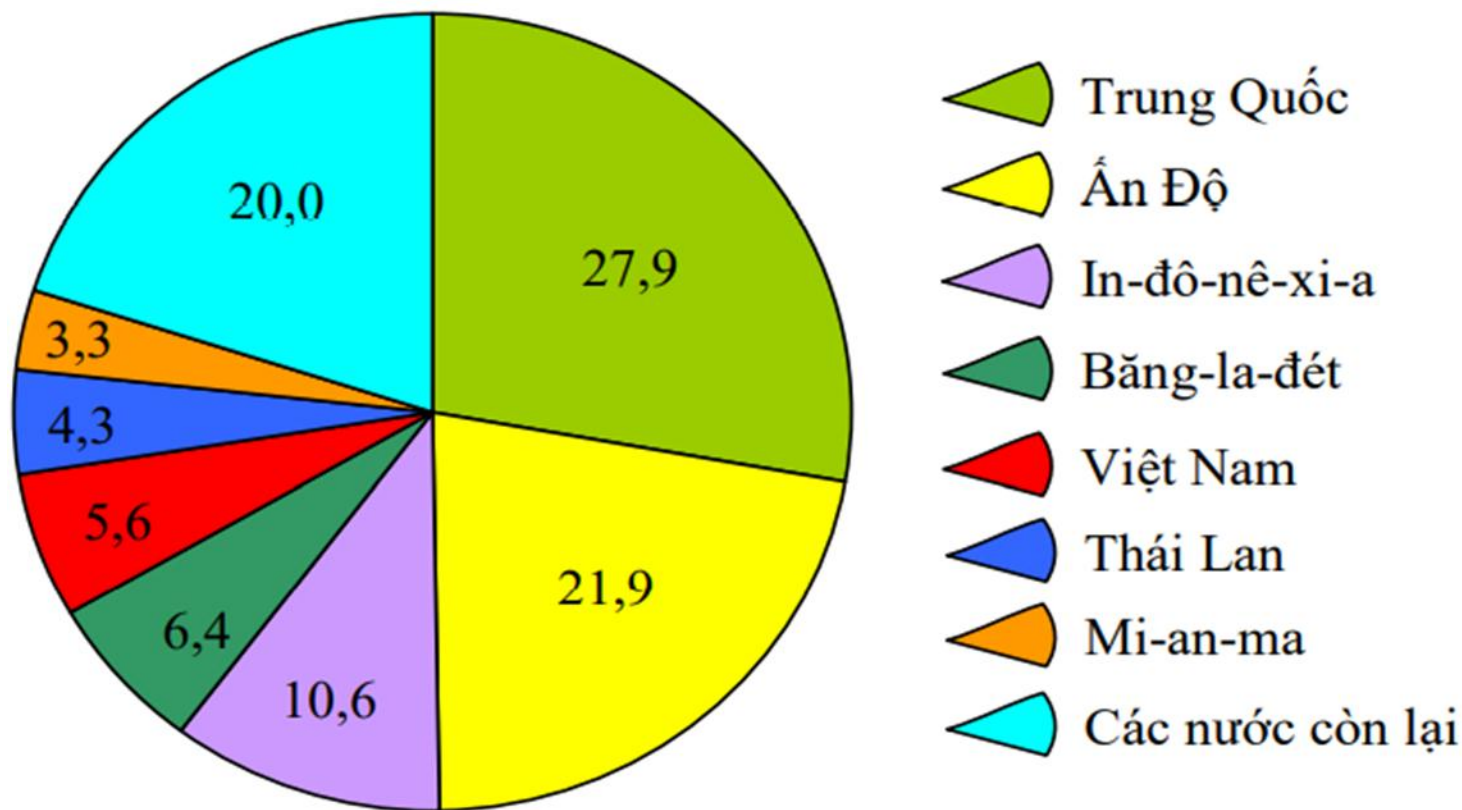
Hình 8.1. Lược đồ phân bố các cây trồng, vật nuôi ở châu Á

Tại sao lúa gạo chỉ tập trung ở khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á?



Hình 8.1. Lược đồ phân bố các cây trồng, vật nuôi ở châu Á

Dựa vào hình 8.2, em hãy cho biết những nước nào ở châu Á sản xuất nhiều lúa gạo và tỉ lệ so với thế giới là bao nhiêu?



Hình 8.2. Biểu đồ tỉ lệ sản lượng lúa gạo của một số quốc gia Châu Á so với thế giới (%) năm 2017

Khu vực khí hậu gió mùa

LÚA GẠO



Cây lương thực



Khu vực khí hậu gió mùa

Cây Chè



Cây cao su



Cây công nghiệp

Cây Dừa



Cà phê



Khu vực khí hậu gió mùa

Trâu



Bò

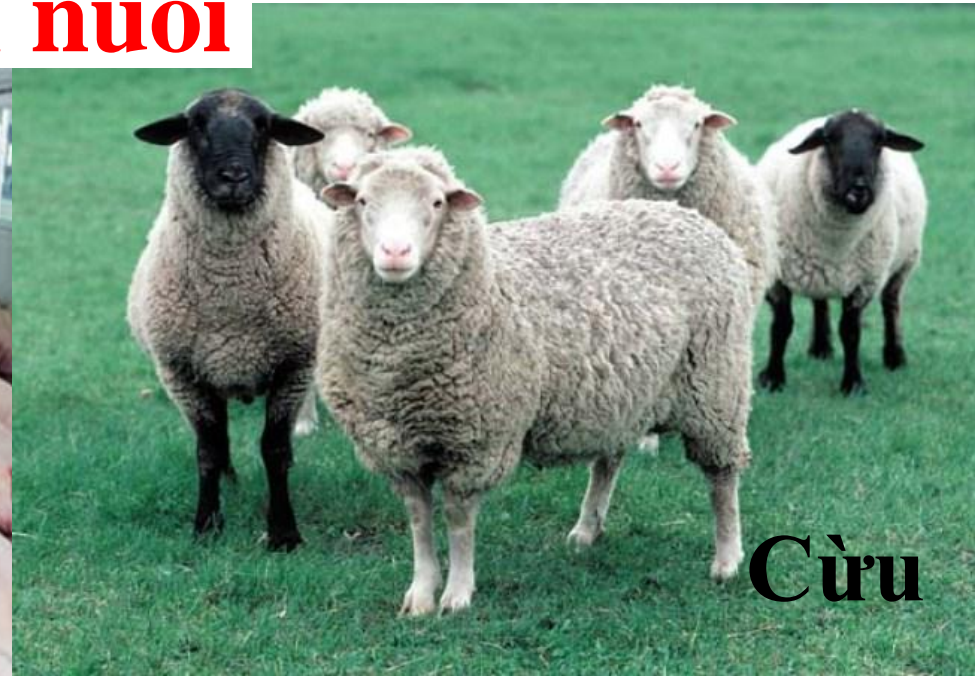


Chăn nuôi

Lợn



Cừu



Khu vực khí hậu lục địa

LÚA MÌ

Cây lương thực



Khu vực khí hậu lục địa



CÂY BÔNG



CÂY CHÀ LÀ

Khu vực khí hậu lục địa



Chăn nuôi cừu



Bắc Á thuộc vùng khí hậu lạnh, vật nuôi quan trọng nhất là tuần lộc

Khí hậu lạnh

BẮC Á



Hình 8.1. Lược đồ phân bố các cây trồng, vật nuôi ở châu Á

Chăn nuôi Tuần lộc ở Bắc Á



1. NÔNG NGHIỆP

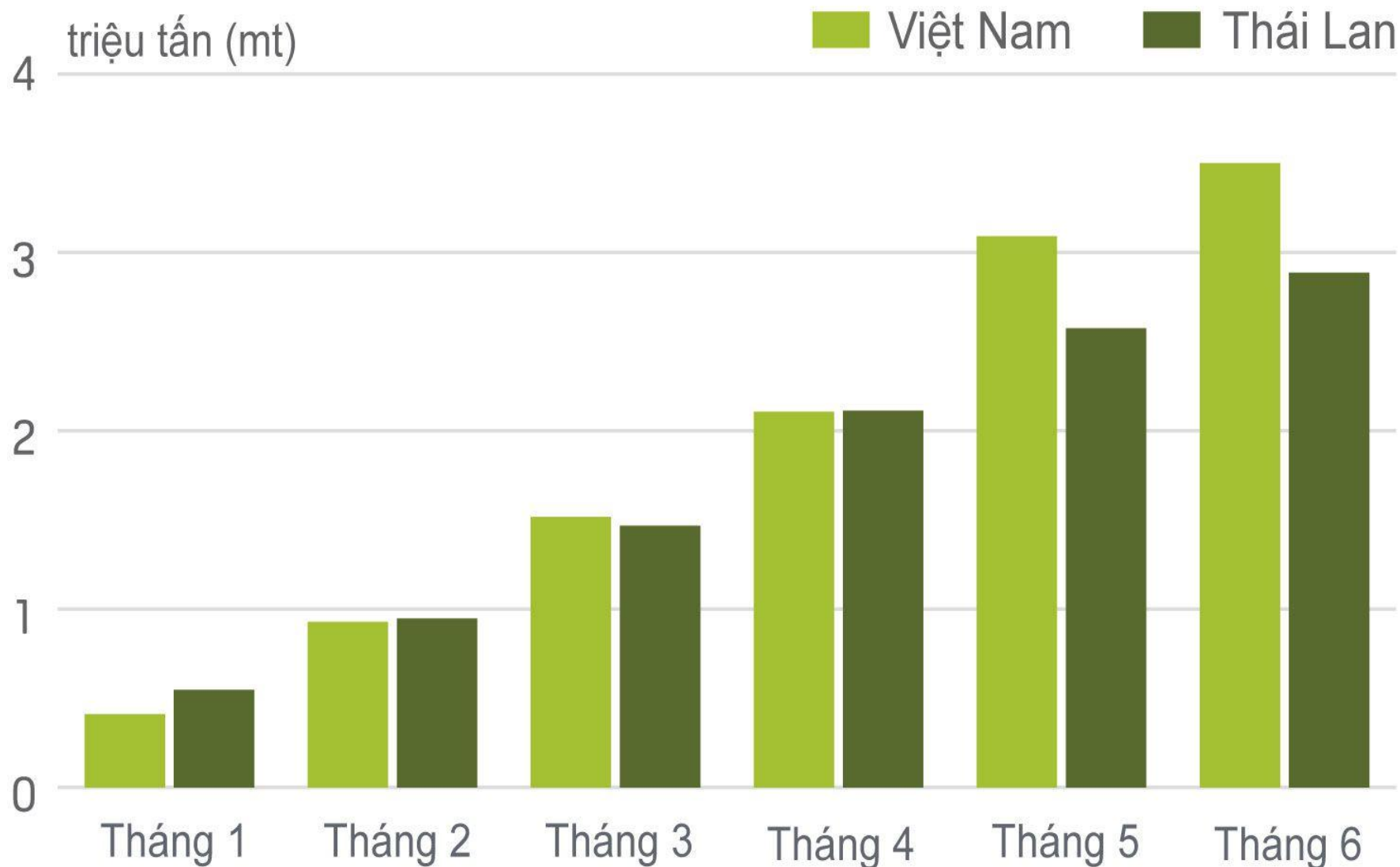
- Nông nghiệp phát triển mạnh ở hai khu vực khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.

Thái Lan, Việt Nam hiện nay trở thành những nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ hai thế giới

STT	Quốc gia	Xuất khẩu
1	Thái Lan	10,64
2	Việt Nam	7,00
3	Ấn Độ	4,63
4	Pakistan	3,41
5	Brazil	1,29
6	Campuchia	0,86
7	Uruguay	0,84
8	Myanmar	0,77
9	Argentina	0,73
10	Trung Quốc	0,48

10 quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới năm 2011 (triệu tấn)

XUẤT KHẨU GẠO VIỆT NAM VÀ THÁI LAN H1 2020



Nguồn: Bộ Công Thương Thái Lan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Reuters

Việt Nam



Israel



Nhận xét gì về trình độ sản xuất nông nghiệp ở các nước châu Á?

Nhật Bản



Trung Quốc



1. NÔNG NGHIỆP

-
- **Lúa gạo là cây lương thực quan trọng**
- **Trung Quốc, Ấn Độ là những nước sản xuất nhiều lúa gạo.**
- **Thái Lan, Việt Nam là những nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất, thứ hai thế giới**

II. CÔNG NGHIỆP

Em hãy nhận xét về Công nghiệp ở các nước Châu Á?

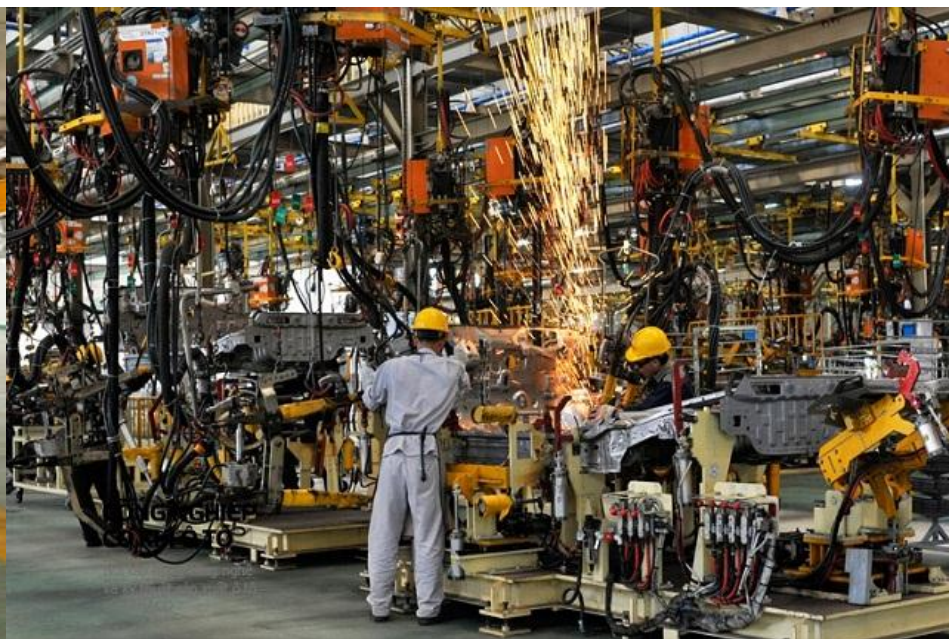
Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

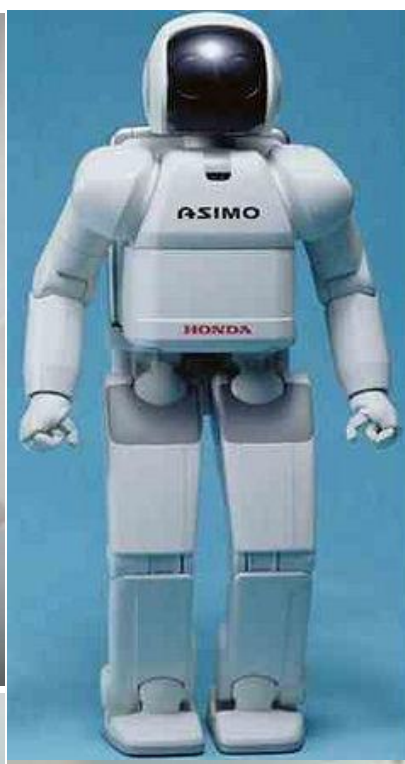
Khai thác chế biến gỗ



CÔNG NGHIỆP SỬA CHỮA LẮP RÁP



Công nghiệp chế tạo Robot ở Nhật Bản



Em có nhận xét gì về cơ cấu ngành công nghiệp châu Á?

→ ĐA DẠNG



CN Khai thác khoáng sản



2. CÔNG NGHIỆP

- Sản xuất công nghiệp của các nước châu Á rất đa dạng, phát triển chưa đều.

*Những nước nào khai thác than và dầu mỏ nhiều nhất?
Nước nào sử dụng sản phẩm khai thác chủ yếu để xuất khẩu?*

Quốc gia	Sản lượng than (triệu tấn)		Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
	Khai thác	Tiêu dùng	Khai thác	Tiêu dùng
Trung Quốc	1250	1228	161	173,7
Nhật Bản	3,6	132	0,45	214,1
In-đô-nê-xi-a	60,3	14	65,48	45,21
A-rập Xê-út			431,12	92,4
Cô-oét			103,93	43,6
Ấn Độ	297,8	312	32,97	71,5

Bảng 8.1. Sản lượng khai thác than và dầu mỏ ở một số nước châu Á năm 1998



KHAI THÁC DẦU MỎ Ở Ả RẬP XÊ ÚT

Khai thác than ở Trung Quốc



Ngành Luyện kim, Cơ khí, Chế tạo máy, Điện tử... (Nhật Bản, Hàn Quốc, Xigapo)



Công nghiệp may mặc, dệt, chế biến thực phẩm... phát triển ở hầu hết các nước



2. CÔNG NGHIỆP

-

- Cơ cấu ngành đa dạng: công nghiệp khai khoáng, luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng ...

Bài 8: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á

1. NÔNG NGHIỆP

2. CÔNG NGHIỆP

3. DỊCH VỤ

III. DỊCH VỤ

LIỆT KÊ CÁC LOẠI HÌNH DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN Ở CHÂU Á?



Em hãy cho biết: Tỷ trọng giá trị dịch vụ trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, Hàn Quốc là bao nhiêu?

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Em hãy cho biết: Tỷ trọng giá trị dịch vụ trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, Hàn Quốc là bao nhiêu?

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

+ Ở các nước có giá trị dịch vụ cao trong cơ cấu GDP thì giá trị bình quân GDP/người cũng cao.

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33.400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8.861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Trái lại, ở các nước có tỉ trọng giá trị dịch vụ thấp trong cơ cấu GDP thì giá trị bình quân GDP/người cũng thấp.

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33.400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8.861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	24,3	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	38,6	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

1.4 GDP/ NGƯỜI CỦA VIỆT NAM SO VỚI MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

GDP/người giá hiện hành tính theo USD (2013)



**Singapore, Nhật Bản,
Hàn Quốc là 3 nước có
GDP/người cao ở Châu Á**

Nguồn: Số liệu của Ngân hàng Thế giới.

3. DỊCH VỤ

- Dịch vụ ngày càng đa dạng và phát triển rất cao đặc biệt là Xigapo, Nhật Bản, Hàn Quốc.

CHÚC CÁC EM NHIỀU SỨC KHỎE, NGOAN VÀ
HỌC THẬT TỐT. CHÀO TẠM BIỆT CÁC EM

